

# PHÁT TRIỂN CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TS. NGUYỄN HỒNG THUẬN

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Quá trình mở cửa, hội nhập, chuyển đổi cơ chế nền kinh tế cùng với sự chuyển dịch sang nền văn minh công nghiệp là những yếu tố then chốt thúc đẩy sự chuyển đổi thang giá trị (GT), biểu định hướng GT trong việc xây dựng những GT chuẩn mực tiếp cận thời đại. Do vậy, con người cần có cách nhìn toàn diện về GT và định hướng GT để đảm bảo các khía cạnh Nhân bản – Dân tộc – Thời đại – Thực tiễn.

GT và định hướng GT là vấn đề cần nghiên cứu của nhiều lĩnh vực khoa học như: Tâm lý học, Xã hội học, Kinh tế học, Đạo đức học, Mĩ học, GT học,... Vì vậy, việc tiếp cận nghiên cứu đặc điểm, xu thế, sự phát triển và kế thừa các hệ GT cần chú ý tới những quan điểm hệ thống, phức hợp,... Trong bài viết này, tác giả đặt ra vấn đề nghiên cứu nhằm làm rõ những triết lý, phương pháp giáo dục (GD) phù hợp để GD giá trị (GDGT) cho học sinh (HS) phổ thông hiện nay.

## 2. Phương pháp GDGT

GDGT được hiểu là: Quá trình tác động có mục đích, tổ chức, kế hoạch, nội dung, chương trình, phương pháp cụ thể nhằm hình thành ở người được GD một hệ thống các GT xã hội. Trong đó, người GD giữ vai trò chủ đạo tổ chức, hướng dẫn, kích thích hoạt động tích cực của người được GD. Người được GD đóng vai trò chủ động, tích cực, tự giác khi tham gia các hoạt động đó nhằm trải nghiệm, tiếp thu các GT xã hội. Phương pháp GDGT là cách thức sử dụng các nguồn lực trong GD như giáo viên (GV), trường lớp, dụng cụ học tập, phương tiện vật chất để GDGT cho người học.

## 3. Thực trạng GDGT cho HS ở trường phổ thông

Nội dung GDGT cho HS phổ thông thường tập trung vào các GT văn hóa, đạo đức truyền thống, mang đậm nét GT tinh thần. Việc lựa chọn các GT để GD cho HS dựa trên nguyên tắc: Các GT tiêu biểu, cốt lõi của dân tộc Việt Nam; Phản ánh mối quan hệ của HS với cộng đồng, gia đình, nhà trường và học tập; Có ý nghĩa trong xã hội đương đại hoặc phát triển phù hợp với thời đại; Phù hợp với đặc điểm và trình độ HS,... Trên thực tế, một số GT đạo đức truyền thống vẫn phù hợp trong bối cảnh hiện nay nhưng có những GT đã bị xói mòn, biến đổi do sự thay đổi của nhận thức con người và xã hội.

Theo đánh giá của GV và HS, nội dung GDGT trong nhà trường hiện nay còn đơn điệu, chưa phong phú, đa dạng; một số hoạt động chưa phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý HS, gây nhàm chán. Ở phổ thông, khoảng 70% nội dung GDGT sống thể hiện trong các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Đạo đức và Tự nhiên - Xã hội,... còn lại nằm trong các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp. Một số GT thể hiện trong nhiều bài học như: Yêu nước (125 bài), Nhân ái - Nhân nghĩa (65 bài), Cần cù - Sáng tạo trong lao động (40 bài), Quý trọng gia đình (21 bài), Đoàn kết (19 bài), Tôn sùng - Trọng đạo (14 bài),...

GDGT cho HS thông qua hình thức GD ngoài giờ lên lớp trong nhà trường phổ thông thường tập trung vào một số nhóm hoạt động cơ bản như: *Hoạt động xã hội nhân văn* gồm: Kỷ niệm những ngày lễ lớn và sự kiện chính trị - xã hội, từ thiện, học tập và thi tìm hiểu về truyền thống của nhà trường, địa phương, đất nước,...; *Hoạt động tiếp cận khoa học* gồm: Các trò chơi “hỏi-đáp” tìm hiểu theo các chuyên đề, sưu tầm, tìm hiểu về các danh nhân,...; *Hoạt động lao động công ích* gồm: Trục

nhật, trang trí trường/lớp, trồng cây, vệ sinh các công trình công cộng,...; *Hoạt động thể dục - thể thao, văn hóa - văn nghệ*.... Những hoạt động này có ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách HS, làm giảm căng thẳng sau giờ học chính khóa và hướng HS vào hoạt động có nội dung bổ ích, hạn chế hoạt động tự phát không lành mạnh.

Kết quả một số cuộc khảo sát cho thấy hầu hết GV và cán bộ phụ trách ở các trường phổ thông đều đánh giá cao vai trò của hoạt động GD ngoài giờ lên lớp trong việc GDGT văn hóa, đạo đức,... cho HS. Tuy nhiên, HS kiến nghị nhà trường cần đổi mới về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động và có những điều kiện về cơ sở vật chất phù hợp để đạt hiệu quả cao. Về mức độ hứng thú đối với các hoạt động GDGT trong nhà trường, đa số HS có thái độ “bình thường”; 4,5% HS thấy “không hứng thú” với các hoạt động trên. Hoạt động được nhiều HS hứng thú nhất là đi tham quan danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử (63,9%). Theo các em, việc không hứng thú với những hoạt động là do bị bắt buộc tham gia; tổ chức qua loa, hình thức, không sáng tạo, sinh động, không phù hợp với lứa tuổi; tốn thời gian và kinh phí,... Theo kinh nghiệm của nhiều GV chủ nhiệm lớp, cán bộ phụ trách Đoàn, Đội, hiệu quả hoạt động GDGT phụ thuộc vào hai yếu tố: Thiết kế hoạt động và chuẩn bị các điều kiện cần thiết; Nội dung và hình thức hoạt động phong phú, sinh động, gây hứng thú cho HS.

## 4. Định hướng phát triển phương pháp và hình thức GDGT trong nhà trường phổ thông

- GDGT nhằm biến các GT đạo đức xã hội thành ý thức, tình cảm, niềm tin và hành vi đạo đức của HS. Muốn vậy, quá trình GDGT là quá trình HS hoạt động với sự hướng dẫn, giúp đỡ của GV để tự khám phá và chiếm lĩnh nội dung bài học, các GT của bản thân; tránh lối dạy thiên về lí thuyết trừu tượng, khô khan và áp đặt.

- Các nội dung GDGT cần được truyền tải sinh động qua các truyện kể, tấm gương, bài thơ, bài hát, tranh ảnh, băng hình,... phong phú và hấp dẫn; qua việc tổ chức cho HS các hoạt động trải nghiệm bổ ích và lí thú; qua việc phân tích, xử lí các tình huống gần gũi với cuộc sống; qua việc hướng dẫn HS liên hệ phân tích, đánh giá hành vi của bản thân và những người xung quanh theo các GT đã học; tìm hiểu, phân tích, đánh giá một số sự kiện trong nhà trường, địa phương, đất nước và thế giới.

- Sử dụng phối hợp các phương pháp đóng vai, thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi, kể chuyện, trình bày trực quan, nêu gương, khen thưởng, hỏi tương, trải nghiệm, dự án...; kết hợp các hình thức học theo lớp, nhóm và cá nhân; học ở trong lớp, ngoài sân, tham quan các di tích văn hoá, cơ sở của địa phương,... có liên quan đến nội dung GDGT.

- Kết hợp hài hoà giữa việc trang bị tri thức với bồi dưỡng tình cảm và hình thành kĩ năng, hành vi cho HS.

- Đặc thù của GDGT là học qua trải nghiệm, thực hành,... bởi vậy sự hỗ trợ của phương tiện, thiết bị như máy tính, máy chiếu, loa đài,... là cần thiết để HS có cơ hội hỏi tương, tưởng tượng thông qua các bản nhạc, hình ảnh cụ thể.

Về đánh giá kết quả GDGT:

- Yêu cầu của việc đánh giá phải toàn diện, khách quan và có tác dụng điều chỉnh hoạt động GD, động viên sự cố gắng học tập của HS. Kết quả học GDGT sống



phải thể hiện ở các mặt: Kiến thức, kĩ năng, thái độ và hành vi ứng xử của HS ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

- Hình thức đánh giá là nhận xét, dựa trên các chứng cứ thu thập được bằng nhiều cách: Trao đổi trực tiếp, quan sát các hành vi ứng xử trong học tập, vui chơi, cuộc sống hàng ngày của HS, đánh giá sản phẩm hoạt động của HS.

- Kết hợp giữa đánh giá của GV và các lực lượng GD khác như Tổng phụ trách đội, tập thể HS, cha mẹ HS và tự đánh giá của HS.

## **5. Một số phương pháp GDGT cho HS trong trường phổ thông**

### **5.1. Phương pháp trải nghiệm- sáng tạo**

#### *a) Quan điểm chung*

- Không có nội dung GT hoặc hệ GT bản thân mang tính tuyệt đối, bất biến được áp đặt từ bên ngoài cho HS. Mọi thứ đều do từng cá nhân tự mình tìm ra. Khi HS tự mình trải nghiệm, các em mới tìm ra được GT của điều chúng trải nghiệm, bởi vì GT tức là điều được thấy trong khi cảm thụ, đánh giá cao (appreciation) hoặc đánh giá thấp (depreciation) một sự vật chứ không phải là GT tự thân;

- Mục tiêu của GDGT không phải là bất biến. Chúng có thể thay đổi và được điều chỉnh trong mối tương quan với những điều kiện biến đổi của môi trường, trong đó quan trọng nhất là những thay đổi xã hội;

- Nội dung GD là khái niệm "động", được mô tả là "những điều người học dùng đến khi hành động trong một tình huống có mục đích";

- Việc học của HS phải đi từ trải nghiệm của chúng. Trải nghiệm vừa là nội dung vừa là phương pháp dạy - học.

Kiến thức và kinh nghiệm đã có đóng vai trò quan trọng đối với việc lĩnh hội những kiến thức, kinh nghiệm mới khác đối với việc trải nghiệm và ứng dụng tri thức đã có vào tình huống mới. Tuy nhiên, mỗi đứa trẻ là một cá thể người học với những nét đặc thù nên sự tìm tòi, khám phá (thể hiện ở nhu cầu, động cơ, tính tích cực – chủ động,...) trong quá trình học tập có sự khác biệt. Do đó, kiến thức và kĩ năng học tập có giá trị khác nhau với từng cá nhân;

- Chương trình dạy học (GD) nói chung nên thách thức và tạo áp lực đối với năng lực của người học. Đồng thời, tạo nhiều cơ hội để áp dụng kĩ năng, kiến thức và kinh nghiệm đã có của người học, với "các hoạt động xác thực, kết nối với môi trường thực tế cuộc sống".

#### *b) Ý nghĩa*

Phát huy vai trò tự học, tự luyện tập để phát triển mặt tích cực, sáng tạo, phát huy năng lực nội sinh của người học; Đảm bảo dạy học sát đối tượng, cá biệt hóa đối tượng; Phát triển hứng thú, động cơ, ý chí của người học trong quá trình hoạt động trải nghiệm để thực hiện nhiệm vụ học tập.

#### *c) Nội dung*

GV dẫn dắt HS tự tìm tòi, khám phá tri thức mới dựa trên những kinh nghiệm sẵn có. HS tự hình thành các kĩ năng cần thiết trong quá trình học tập.

#### *d) Cách thức thực hiện*

- Hoạt động của GV:

+ Xây dựng tình huống/câu chuyện phản ánh nội dung GT cần định hướng (dựa trên tình huống có thực trong cuộc sống) hoặc nêu ra những sự việc liên quan;

+ Phát hiện và bồi dưỡng những năng lực riêng của HS bằng cách giao việc phù hợp với khả năng riêng của các em để phát huy sở trường, khẳng định và nhận thức đúng về bản thân;

+ Tổ chức cho HS giao lưu- thuyết trình, lao động công ích, từ thiện,... để trải nghiệm và phát triển các GT sống cơ bản.

- Hoạt động của HS:

+ Đóng vai tương ứng với các tình huống/câu chuyện GV đưa ra, thể hiện với các phản hồi tích cực và tiêu cực;

+ Thuyết trình và bình luận về hành động của các vai diễn;

+ Thực hiện các hoạt động lao động công ích, từ thiện,...

### **5.2. Phương pháp hoạt động nhóm**

#### *a) Quan điểm chung*

- GDGT là quá trình tham gia cá nhân vào ý thức hệ của dân tộc. Quá trình này gồm hai mặt: Tâm – sinh lí cá nhân và xã hội. Những điều HS học đều có một điều kiện bắt buộc là phải mang tính xã hội.

- GD nhằm hình thành và định hướng sự phát triển các GT cho người học thông qua quá trình nội tâm hóa văn hóa và quan hệ xã hội.

Con đường hình thành GT của cá nhân: Ban đầu, kiến thức hay GT mới của một đứa trẻ phản ánh tâm lí của nhóm người, cộng đồng, xã hội mà trẻ được tiếp cận, thông qua sự tương tác với những người khác trên bình diện xã hội. Trong quá trình tiếp tục hoạt động, cá nhân lại tích lũy thêm tri thức, kinh nghiệm tác động đến ý thức của cá nhân trở thành nội tâm đứa trẻ. Những kiến thức, kĩ năng hay GT mới được tự chủ ở cấp độ cá nhân. Đây là quá trình định hướng GT nhân cách. Nếu HS được hoạt động, hợp tác cùng với những HS có năng lực hơn (kiến thức, kĩ năng, GT,...) thì quá trình lĩnh hội và chuyển vào trong sẽ đạt hiệu quả cao hơn so với việc HS tự hoạt động với đúng trình độ năng lực hiện tại của mình.

#### *b) Ý nghĩa*

Phát huy tính tích cực, tự lực, tự tin và trách nhiệm của HS; Phát triển năng lực phương pháp, năng lực giao tiếp, hợp tác và hỗ trợ quá trình học mang tính xã hội; Tạo khả năng dạy học phân hóa qua cách lựa chọn, phân công công việc đa dạng cho các thành viên trong nhóm.

#### *c) Nội dung*

GV dẫn dắt HS khám phá tri thức mới bằng cách đưa ra hệ thống tình huống có vấn đề và HS làm việc theo nhóm để giải quyết tình huống như một nhiệm vụ học tập. Qua đó, HS có cơ hội phát huy tính tích cực, huy động những kiến thức và kinh nghiệm sẵn có,... để bàn bạc, thảo luận với các thành viên khác, lắng nghe ý kiến và bổ sung ý kiến khi cần, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ chung.

#### *d) Cách thức thực hiện*

Hoạt động của GV: Xác định đề tài thảo luận và đề ra những mục đích, yêu cầu cơ bản cho buổi thảo luận. Nội dung đề tài được xác định trên nguyên tắc: Khoa học, cơ bản, thực tiễn và vừa sức với HS; Phân lớp thành các nhóm, tạo điều kiện cho các nhóm làm việc thuận lợi. Đồng thời, bố trí thành các nhóm đa dạng về trình độ để tạo được sự nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau và chất lượng lập luận cao hơn; Ghi lại những quan điểm thống nhất và những quan điểm chưa thống nhất, những ý kiến đúng và chưa đúng của từng nhóm; Tổ chức thảo luận giữa các nhóm để đi đến thống nhất quan điểm, tìm ra câu trả lời hoàn chỉnh nhất; Bổ sung những nội dung nếu thấy cần thiết; Nhận xét về thái độ, kiến thức, kĩ năng thảo luận và ghi nhận những ý kiến đóng góp của từng nhóm. GV có thể cho điểm từng nhóm hoặc từng HS.

Hoạt động của HS: Cụ thể hóa các công việc cần tiến hành, thời gian, phương tiện cần thiết; Phân công công việc và đảm nhiệm các vai trò khác nhau trong nhóm; Phối hợp nhịp nhàng, linh hoạt nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao. Đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận; Nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm khác.

### **5.3. Phương pháp dự án**

#### *a) Quan điểm chung*

Khi cá nhân đứng trước một “vấn đề” có thực và có ý nghĩa đối với họ, có năm phương diện của tư duy phân biện nằm giữa sự nhận ra và sự giải quyết nó: (1) Những ý nghĩ được gợi ra trong đầu – nhẩy thẳng tới một giải pháp bỏ qua giai đoạn trung gian; (2) Làm rõ nghi vấn phải giải quyết; (3) Sử dụng các giả thuyết; (4) Suy luận những kết quả có thể xảy ra và quyết định chọn một giả thuyết; (5) Thử nghiệm giả thuyết bằng hành động bộc lộ ra ngoài hoặc hành động tưởng tượng trong đầu.

**b) Ý nghĩa**

Hình thành ở HS kĩ năng học tập nhằm giải quyết các tình huống “có thực” đến từ thực tiễn. HS biết cách phát hiện “vấn đề”, hình thành ý tưởng, lập kế hoạch để triển khai ý tưởng, lời cuốn mọi người tham gia và biết trình bày kết quả sản phẩm hiệu quả.

**c) Nội dung**

“Dạy học dự án” trong nhà trường gắn việc học với việc giải quyết các tình huống thực tiễn, HS sẽ hứng thú với các chủ đề học tập, tự tìm tòi, phát hiện vấn đề, tạo ra sản phẩm của riêng mình và góp phần làm nên sản phẩm chung của tập thể.

**d) Cách thức thực hiện**

- Hoạt động của GV:
- + Chia HS thành nhóm theo chủ đề và lựa chọn người dẫn dắt;
- + Nêu hoặc gợi mở ý tưởng dự án;
- + Theo dõi hoạt động của các nhóm (tham vấn khi cần thiết);
- + Đánh giá kết quả dự án thông qua hoạt động và phân tích sản phẩm của dự án;
- Hoạt động của HS:
- + Đưa ra ý tưởng dự án hoặc phát triển ý tưởng theo sự gợi mở của GV;
- + Lập kế hoạch dự án chi tiết;
- + Phát hiện “vấn đề” từ thực tiễn cần giải quyết;
- + Hình dung về sản phẩm và cách trình bày sản phẩm;
- + HS được khuyến khích trao đổi và tham vấn GV

khi cần thiết.

**6. Kết luận**

Hệ GT sống là hệ thống có lựa chọn, định hướng, trong đó, kết tinh những giá trị truyền thống và hiện đại. Nhà trường phổ thông cần đổi mới phương pháp GDGT sống dựa trên tiếp cận hoạt động - giao lưu - nhân cách; tiếp cận tổng thể và tích hợp, tạo điều kiện cho HS tự xác định, lựa chọn, đánh giá, chấp nhận các GT theo quan niệm, ý kiến, trải nghiệm riêng của bản thân, tạo cơ hội để cá tính phát triển; tiếp cận kĩ năng sống giúp HS ứng phó, giải quyết một cách tích cực, phù hợp với chuẩn mực chung và có hiệu quả trước những tình huống, vấn đề của cuộc sống,... Cần kết hợp giữa nhà trường - gia đình và xã hội trong GDGT sống cho HS, đưa nội dung GT sống vào xây dựng hệ thống định chế, pháp luật, định hướng cho mọi người dân biết gìn giữ các giá trị bằng cách sống và làm theo hiến pháp và pháp luật.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. John Dewey, (2012), *John Dewey về giáo dục*, DT Books - IRED & NXB Trẻ, (Phạm Anh Tuấn dịch).  
 [2]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đinh Thị Kim Thoa - Bùi Thị Thúy Hằng,..., (2010), *Giáo dục giá trị sống và kĩ năng sống cho học sinh* (3 tập), Đại học Quốc gia Hà Nội.  
 [3]. Nguyễn Đức Quang, (2009), *Định hướng mục tiêu, nội dung giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh phổ thông*, Đề tài: B2006-37-25.

**SUMMARY**

*Value education is an impact process with purpose, organization, plan, contents, programs and specific method in order to form a system of social values at learners. At general schools, life-value educational methods such as experience - creativity, group activity and projects should be renewed. Students will be instructed to actively face and solve situations, in accordance with common standards and effectiveness before the real-life situation or problem.*

**Keywords:** *Methods; value education; students.*

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ... (Tiếp theo trang 32)**

**3.6. Thử nghiệm và điều chỉnh để kiểm tra**

Để kiểm tra đã được thử nghiệm ở Trường Tiểu học Tân Mai - Quận Hoàng Mai - Hà Nội với đủ ba đối tượng: HS khá - giỏi, HS trung bình, HS yếu kém. Qua việc quan sát quá trình làm bài kiểm tra của HS và kết quả xử lí bài kiểm tra, chúng tôi đã có điều chỉnh 4 câu hỏi trong đề kiểm tra theo hướng điều chỉnh cách diễn đạt của câu hỏi và độ khó của câu hỏi.

**4. Kết luận**

Hiện nay, trong nhiều bài kiểm tra môn học đã có những câu hỏi có thể đánh giá được một số thành tố của năng lực GQVĐ như: Tìm hiểu vấn đề; Thực hiện giải pháp. Tuy nhiên, những câu hỏi để đánh giá các thành tố: Thiết lập không gian vấn đề; Lập kế hoạch (trong thành tố Lập kế hoạch và thực hiện giải pháp); Đánh giá và phản ánh giải pháp còn chưa được chú trọng. Do đó, để xây dựng bài kiểm tra đánh giá năng lực GQVĐ theo cả 4 thành tố đã nêu ở trên, cũng cần quan tâm đến những câu hỏi giúp phát hiện được quy trình tư duy để giải quyết một vấn đề và những câu hỏi tạo cơ hội cho HS đánh giá giải pháp đã lựa chọn và phản ánh giá trị của giải pháp đó.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. OECD, (2003), *The PISA 2003 Assessment Framework – Mathematics, Reading, Science and Problem Solving Knowledge and Skills*, OECD Publishing.

[2]. OECD, (2010), *PISA 2012 Field Trial Problem Solving Framework* (Draft Subject to Possible Revision after the Field Trial).

[3]. Nguyễn Thị Lan Phương, (2014), *Đề tài NAFOSTED: “Xây dựng Chuẩn đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực”, mã số VI 1.2 - 2011.06.*

[4]. Nguyễn Anh Dũng (chủ biên), (2006), *Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 5*, NXB Giáo dục.

**SUMMARY**

*Problem-solving competence is one of competences to be focused on to students. The paper clarified opportunities for students to develop problem-solving competence and proposed process to design a test in order to assess this competence in History and Geography at elementary education. Besides, the author also introduces some questions relating to this competence through grade 5 History and Geography. According to the author, in order to develop a test to assess problem-solving competence, questions to identify thinking process to problem-solving and questions to create opportunities for student to assess given solutions chosen and reflect value of such solutions should be more paid attention to.*

**Keywords:** *Assessment; problem-solving competence; History, Geography; elementary education.*